

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN

1
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 50/2020/HS-ST
Ngày: 23 - 9 -2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Phương**.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Hảng A Nénh**
2. Ông **Giàng A Chu**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Lục - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở TAND huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 49/2020/TLST-HS, ngày 27 tháng 8 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐXXST-HS, ngày 11/9/2020 đối với các bị cáo:

*** Bị cáo thứ nhất:** Họ và tên: **Lò Văn L**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1997, nơi sinh tại huyện MA, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản T, xã MĐ, huyện MA, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 9/12; Con ông: Lò Văn N, sinh năm 1974 và con bà Cà Thị D, sinh năm 1978; bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ và con; Tiền sự: Không; Tiền án: 01 tiền án, theo bản án số 205/2018/HS-ST ngày 03/10/2018 của TAND thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh phạt bị cáo 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” đến nay chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/6/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Bị cáo thứ hai:** Họ và tên: **Quàng Văn T**; Tên gọi khác: Quàng Văn K, Quàng Văn Tu; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1990, nơi sinh tại huyện MA, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản T, xã MĐ, huyện MA, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 9/12; Con ông: Quàng Văn P, sinh năm 1959 và con bà Lò Thị L, sinh năm 1960; bị cáo có 05 anh em, bị cáo là con thứ 04 trong gia đình; Bị cáo có vợ là Lò Thị D, sinh năm 1992 (đã ly hôn) và có 02 người con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền sự: Không; Tiền án: Không (*Về nhân thân: Ngày 26/4/2010 bị cáo bị phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 15/2010/HS-ST của TAND huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đến nay đã được xóa án tích*).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/6/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* **Người bào chữa cho bị cáo Quảng Văn T:** Bà Lương Thị T – Trợ giúp viên pháp lý, nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

* **Bị hại:** Họ và tên: Tòng Văn B, sinh năm 1964

Cư trú tại: Bản L, xã AN, huyện MA, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

* **Người có quyền L nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Họ và tên: Lò Văn H, sinh năm 1983.

Cư trú tại: Bản X, xã MĐ, huyện MA, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

2. Họ và tên: Quảng Văn D, sinh năm 1993.

Cư trú tại: Bản CP, xã MĐ, huyện MA, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

3. Họ và tên: Lò Thị H, sinh năm 1982.

Cư trú tại: Bản X, xã MĐ, huyện MA, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

4. Họ và tên: Lò Văn C, sinh năm 1987.

Cư trú tại: Bản PB, xã NT, thành phố ĐB, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

5. Họ và tên: Cà Thị D, sinh năm 1978.

Cư trú tại: Bản T, xã MĐ, huyện MA, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

* **Người làm chứng:**

1. Họ và tên: Lò Thị Th, sinh năm 1982.

Cư trú tại: Bản T, xã MĐ, huyện MA, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

2. Họ và tên: Nguyễn Thị S, sinh năm 1974.

Cư trú tại: Tổ dân phố Z, thị trấn MA, huyện MA, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

* **Người chứng kiến:** Họ và tên: Lò Thị Ho, sinh năm 1984.

Cư trú tại: Bản T, xã MĐ, huyện MA, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, các bị cáo Lò Văn L, Quảng Văn T (tên gọi khác Quảng Văn K, Quảng Văn Tu) bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Sáng ngày 03/5/2020 Lò Văn L từ Hà Nội lên thị trấn MA. Sau khi xuống xe L đi vào nhà Quảng Văn G trú tại bản Cũ, xã AN, huyện MA hỏi vay tiền nhưng không được. L đi theo đường bãi cà phê lên đường Quốc lộ 279 thuộc bản C xã AN khu vực đỉnh đèo Tăng Quái, khi đi lên đến đường L nhìn thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, BKS 27B1-298.37 màu đen đỏ, giá 7.500.000đ của ông Tòng Văn B, sinh năm 1964, trú tại Bản L, xã AN đang để cạnh đường. L đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô. L đã lấy 01 chiếc chìa khóa Việt Tiệp, có sẵn trong túi quần bên phải đang mặc ra cắm vào ổ khóa điện xe mô tô mở được khóa điện, L quay đầu xe nổ máy, thấy có 01 người phụ nữ nhìn mình L đã đi xe máy xuống dốc hướng thị trấn MA khoảng 500 mét rồi quay đầu xe ngược lại vào bản N, xã NC, huyện MA đến nhà Lò Thị C hỏi cầm xe, nhưng không cầm được. L đi ra đường thì gặp Quảng Văn T trú cùng bản, L hỏi T chỗ cầm xe, T đã dẫn L đến nhà Lò Văn H, sinh năm 1983, trú tại Bản X, xã MĐ, huyện MA để cầm xe. Khi đến nhà Lò Văn H, T hỏi L có giấy tờ xe không, L bảo không có, lúc này T đã nghĩ xe do L trộm cắp mà có. L và T đã hỏi cầm được 1.000.000đ, chia nhau mỗi người 500.000đ tiêu sài cá nhân hiết. Được khoảng 4 đến 5 ngày sau khi cầm xe, nghe được tin cơ quan Công an đang điều tra vụ trộm cắp xe, do sợ bị phát hiện L đã đi sang nhà T nói với T xe hôm trước cầm là xe L

trộm cắp tại khu vực đèo Tăng Quái. L và T đã ngồi bàn chuộc xe ra rồi đi để dọc đường tránh bị phát hiện, thì lúc đó có Lò Văn Y, sinh năm 1989 trú cùng bản sang nhà T chơi. L và T có nói cho Y biết về chiếc xe L trộm cắp, Y đã bảo L, T chuộc xe về để Y mang đi bán tại thành phố DB, L và T nhất trí. Ngày hôm sau L xin được của mẹ để là Cà Thị D 1.150.000đ rồi đến nhà Lò Văn H chuộc xe, L trả cho H số tiền 1.100.000đ và lấy xe mang đến nhà cho Lò Văn Y. Tại gầm sàn nhà chị gái Y là Lò Thị Ho, Y và T đã cùng nhau tháo rời chiếc xe máy. Khi nghe Y nói giờ mang bán các bộ phận của xe cũng được vài trăm, T đã thỏa thuận và đưa cho Y 400.000đ để lấy một số bộ phận của xe, một số bộ phận khác thì Y lấy. T đã mang 01 bộ máy (động cơ xe) bán cho Lò Văn C, sinh năm 1987, trú tại Bản PB, xã NT, thành phố DB được 500.000đ để tiêu sài cá nhân, ngoài ra T đã lắp vào xe mô tô của em trai là Quảng Văn D cụm đèn trước, cụm đèn sau, còn lại một số bộ phận khác của xe T để ở nhà thì bị Công an thu giữ. Còn Lò Văn Y sau khi nhận 400.000đ của T đã bắt xe xuống Hà Nội làm thuê và bỏ trốn khỏi địa bàn từ đó đến nay, các bộ phận khác của xe mà Y lấy Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐDGTS ngày 10/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đã kết luận: 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu sơn đen đỏ, số máy 5C6K164869, số khung C6K0EY164870, biển kiểm soát 27B1-298.37 và đưa vào sử dụng từ tháng 6/2015, tại thời điểm định giá tháng 5/2020 giá trị thành tiền VNĐ là 7.500.000đ (*bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Ngày 11/6/2020 và ngày 05/8/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Ảng quyết định khởi tố vụ án hình sự và Quyết định khởi tố bị can đối với Lò Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS; Quảng Văn T (tên gọi khác Quảng Văn K, Quảng Văn Tu), Lò Văn Y về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS.

Tại cáo trạng số: 50/CT-VKS-MA ngày 26/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Mường Ảng để xét xử bị cáo Lò Văn L về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015; bị cáo Quảng Văn T (tên gọi khác Quảng Văn K, Quảng Văn Tu) về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS.

Đối với Lò Văn Y đã bỏ trốn khỏi địa bàn, Cơ quan CSĐT đã khởi tố vụ án và ra quyết định truy nã, tách hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Lò Văn Y để tiếp tục điều tra xử lý sau.

Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Lò Văn L từ 12 đến 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Quảng Văn T (tên gọi khác Quảng Văn K, Quảng Văn Tu) từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

* **Vật chứng của vụ án:** Áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, b khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Trả lại vật chứng của vụ án cho ông Tòng Văn B, sinh năm 1964, trú tại Bản L, xã AN, huyện MA, tỉnh Điện Biên theo biên bản bàn giao vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Ảng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường Ảng.

- Truy thu của bị cáo Quàng Văn T (tên gọi khác Quàng Văn K, Quàng Văn Tu) số tiền 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước, đây là số tiền bị cáo bán cục máy của xe mô tô (vật chứng của vụ án) cho anh Lò Văn C, sinh năm 1987, cư trú tại Bản PB, xã NT, thành phố DB, tỉnh Điện Biên, anh C không yêu cầu bị cáo trả lại.

* **Trách nhiệm dân sự:** Ngày 09/9/2020 các bị cáo Lò Văn L, Quàng Văn T (tên gọi khác Quàng Văn K, Quàng Văn Tu) và bị hại là ông Tòng Văn B đã thỏa thuận bồi thường tổng số tiền là 12.000.000đ (*mười hai triệu đồng*) bao gồm tiền giá trị xe mô tô là 7.500.000đ (*bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) và 4.500.000đ (*bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền công đi tìm xe bị mất. Theo nội dung thỏa thuận đến ngày 30/10/2020 bị cáo Lò Văn L sẽ bồi thường cho ông Tòng Văn B là 6.000.000đ (*sáu triệu đồng*); bị cáo Quàng Văn T (tên gọi khác Quàng Văn K, Quàng Văn Tu) sẽ bồi thường cho ông Tòng Văn B là 6.000.000đ (*sáu triệu đồng*). Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận bồi thường giữa bị hại và các bị cáo.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Duân, anh C, chị Cà Thị D không có yêu cầu gì.

* **Án phí:** Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí HSST cho các bị cáo; các bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bị cáo Lò Văn L thừa nhận toàn bộ hành vi “Trộm cắp tài sản” như cáo trạng truy tố. Bị cáo nhất trí nội dung bản Cáo trạng cũng như bản luận tội của VKSND huyện Mường Ảng, bị cáo không có tranh luận gì.

Nội dung bản luận cứ của người bào chữa cho bị cáo Quàng Văn T (tên gọi khác Quàng Văn K, Quàng Văn Tu) nhất trí với nội dung cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 BLHS; Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, đề nghị Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp hơn đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận bồi thường của bị cáo T với bị Hại là ông Tòng Văn B, theo thỏa thuận bị cáo T sẽ bồi thường cho ông B số tiền là 6.000.000đ vào ngày 30/10/2020. Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí HSST cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo Quảng Văn T (tên gọi khác Quảng Văn K, Quảng Văn Tu) thừa nhận toàn bộ hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” như cáo trạng truy tố. Bị cáo nhất trí nội dung bản Cáo trạng cũng như bản luận tội của VKSND huyện Mường Ảng, bị cáo nhất trí nội dung bài bào chữa của người bào chữa cho bị cáo, bị cáo không bổ sung thêm hay bớt nội dung của bài bào chữa, bị cáo không có tranh luận gì.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không tranh luận gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng trước khi nghị án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nội dung vụ án:

Qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa các bị cáo Lò Văn L, Quảng Văn T (tên gọi khác Quảng Văn K, Quảng Văn Tu) đã khai và công nhận: Sáng ngày 03/5/2020, tại đường Quốc lộ 279 đỉnh đèo Tầng Quái thuộc khu vực bản C, xã AN, huyện MA, tỉnh Điện Biên, L dụng sơ hở của chủ sở hữu, Lò Văn L đã trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, biển kiểm soát 27B1-298.37, màu đen đỏ, trị giá 7.500.000đ (*bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) của ông Tòng Văn B. Quảng Văn T (tên gọi khác Quảng Văn K, Quảng Văn Tu), Lò Văn Y biết rõ xe mô tô do L trộm cắp mà có nhưng vì hám L đã tháo dỡ xe mô tô bán các bộ phận để lấy tiền tiêu sài.

Lời khai nhận tội của bị cáo L và bị cáo T trước phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như cáo trạng số 50/CT-VKS-MA ngày 26/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đã truy tố.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Hành vi L dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, bị cáo L đã lén lút trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, biển kiểm soát 27B1-298.37, màu đen đỏ, trị giá 7.500.000đ (*bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) của ông Tòng Văn B. Mục đích lấy trộm để cầm xe lấy tiền chi tiêu cá nhân của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015. Tại Điều 173 của BLHS quy định: "1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý để xét xử bị cáo Lò Văn L về tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Bị cáo Quảng Văn T (tên gọi khác Quảng Văn K, Quảng Văn Tu) biết rõ xe mô tô do L trộm cắp mà có nhưng vì hám L đã tháo dỡ xe mô tô bán các bộ phận để lấy tiền tiêu sài. Hành vi của bị cáo T đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm được quy định tại khoản 1 Điều 323 của BLHS năm 2015. Tại Điều 323 của BLHS quy định: “1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp,

tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý để xét xử bị cáo Quảng Văn T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Lò Văn L và bị cáo Quảng Văn T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi mà bị cáo gây ra.

[2] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng, gây nguy hại không lớn cho xã hội có mức cao nhất của khung hình phạt đến 03 năm tù, được quy định tại khoản 1 Điều 9 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy các bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra.

Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra đã làm hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm cho bà con nhân dân trong vùng không yên tâm làm ăn, sinh sống, gây mất trật tự trị an và an toàn trên địa bàn dân cư. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra là cần thiết, để cải tạo, giáo dục các bị cáo, đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung, tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu nói riêng trên địa bàn.

[3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Bị cáo Lò Văn L từ nhỏ sống cùng với gia đình, học hết lớp 9/12 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình; bản thân bị cáo có 01 tiền án, theo bản án số 205/2018/HS-ST ngày 03/10/2018 của TAND thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh phạt bị cáo 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” đến nay chưa được xóa án tích.

- Bị cáo Quảng Văn T còn nhỏ sống với gia đình, được nuôi ăn học hết lớp 9/12 thì nghỉ học, đến tuổi trưởng thành xây dựng gia đình với chị Lò Thị D và có 02 người con chung, đến năm 2020 thì ly hôn. Ngày 26/4/2010 bị cáo bị phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 15/2010/HS-ST của TAND huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đến nay đã được xóa án tích.

Các bị cáo có nhận thức pháp luật nhưng thiếu ý thức chấp hành pháp luật, không rèn luyện tu dưỡng đạo đức, lười lao động lại muốn có tiền một cách nhanh chóng mà không phải bỏ công sức lao động nên đã cố tình đi vào con đường phạm tội. Các bị cáo đều đã bị xét xử một lần về tội trộm cắp tài sản, bị cáo T đã được xóa án tích, còn bị cáo L chưa được xóa án tích, vì vậy lần phạm tội này của bị cáo L phạm tội thuộc trường hợp “*Tái phạm*”. Các bị cáo có nhân thân xấu, do vậy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên, tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra, các bị cáo thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Nên khi quyết định hình phạt cần xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự qui định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo L có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Các bị cáo Lò Văn L, Quàng Văn T với nghề nghiệp làm ruộng, không có thu nhập nào khác, gia đình các bị cáo khó khăn về kinh tế, không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung bằng tiền, do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng.

[4] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Đối với Lò Văn Y đã bỏ trốn khỏi địa bàn, Cơ quan CSĐT đã khởi tố vụ án và ra quyết định truy nã, tách hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Lò Văn Y để tiếp tục điều tra xử lý sau.

- Đối với Lò Văn H nhận cầm cố xe mô tô do L, T mang đến, nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Vì vậy, không đề cập vấn đề xử lý.

- Đối với Lò Văn C mua một số bộ phận của xe mô tô do T mang đến bán, nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Vì vậy, không đề cập vấn đề xử lý.

- Đối với Quàng Văn D đã cho Quàng Văn T mượn xe và không biết T lắp các bộ phận của xe mô tô do phạm tội mà có lên xe mô tô của mình. Vì vậy, không đề cập vấn đề xử lý.

- Đối với Cà Thị D không biết việc Lò Văn L (Con của Cà Thị D) xin tiền để chuộc lấy tài sản do trộm cắp mà có. Vì vậy, không đề cập vấn đề xử lý.

[5] Vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015:

- Trả lại vật chứng của vụ án cho ông Tòng Văn B, sinh năm 1964, trú tại Bản L, xã AN, huyện MA, tỉnh Điện Biên theo biên bản bàn giao vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Ảng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường Ảng ngày 26/8/2020.

- Truy thu của bị cáo Quàng Văn T (tên gọi khác Quàng Văn K, Quàng Văn Tu) số tiền 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước, đây là số tiền bị cáo bán cục máy của xe mô tô (vật chứng của vụ án) cho anh Lò Văn C, sinh năm 1987, cư trú tại Bản PB, xã NT, thành phố DB, tỉnh Điện Biên, anh C không yêu cầu bị cáo trả lại.

[6] Trách nhiệm dân sự:

- Ngày 09/9/2020 các bị cáo Lò Văn L, Quàng Văn T (tên gọi khác Quàng Văn K, Quàng Văn Tu) và bị hại là ông Tòng Văn B đã thỏa thuận bồi thường tổng số tiền là 12.000.000đ (*mười hai triệu đồng*) bao gồm tiền giá trị xe mô tô là 7.500.000đ (*bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) và 4.500.000đ (*bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền công đi tìm xe bị mất. Theo nội dung thỏa thuận đến ngày 30/10/2020 bị cáo Lò Văn L sẽ trả số tiền bồi Thường cho ông Tòng Văn B là 6.000.000đ (*sáu triệu đồng*); bị cáo Quàng Văn T (tên gọi khác Quàng Văn K, Quàng Văn Tu) sẽ trả số tiền bồi Thường cho ông Tòng Văn B là 6.000.000đ (*sáu triệu đồng*). Hội đồng xét xử thấy việc thỏa thuận này không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật vì vậy, chấp nhận thỏa thuận bồi thường giữa bị hại và các bị cáo.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh C, chị Cà Thị D không có yêu cầu gì.

[7] **Án phí:** Các bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm d khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử miễn án phí HSST cho các bị cáo. Các bị cáo không phải chịu án phí DSST có giá ngạch.

[8] Quyết định truy tố của VKSND huyện Mường Ảng; ý kiến của vị đại diện VKS, ý kiến của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo T và đương sự qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử thấy phù hợp với nội dung vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[9] Trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo Quàng Văn T (tên gọi khác Quàng Văn K, Quàng Văn Tu) phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lò Văn L 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 11/6/2020).

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Quàng Văn T (tên gọi khác Quàng Văn K, Quàng Văn Tu) 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 11/6/2020).

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của BLHS; Các Điều 584, 585, 586, 589 BLDS: Chấp nhận việc thỏa thuận bồi thường giữa bị hại và các bị cáo. Cụ thể, đến ngày 30/10/2020 các bị cáo: Lò Văn L, Quàng Văn T (tên gọi khác Quàng Văn K, Quàng Văn Tu) bồi Thường cho ông Tòng Văn B mỗi bị cáo là 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Kể từ ngày đến hạn theo thỏa thuận bồi thường (ngày 30/10/2020) hoặc ngày bản án có hiệu lực và ông Biêng có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo chậm thi hành án thì các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, b khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015:

- Trả lại vật chứng của vụ án cho ông Tòng Văn B, sinh năm 1964, trú tại Bản L, xã AN, huyện MA, tỉnh Điện Biên gồm:

+ 01 bộ không bánh sau xe máy có bánh răng bằng kim loại màu đen, hình trụ tròn đường kính 15cm; 01 bộ má phanh bánh sau; 01 chiếc ốp không xích bằng nhựa màu xám; 01 chiếc còi xe máy bằng kim loại màu đen; 01 bộ má phanh đĩa bánh trước

bằng kim loại màu đen; 01 vòng xích xe máy bằng kim loại, màu đen dài 125 cm; 01 vòi nhựa dài 30cm; 01 cần để chân bằng kim loại bên ngoài bọc nhựa màu đen có chiều dài 11cm; 01 vòng bánh răng có đường kính 6,5 cm; 01 tụ điện bằng nhựa màu đen, ký hiệu 4XNA,5VT01, 4x0; 01 tụ điện bằng nhựa bên ngoài được bọc cao su màu đen, một đầu được nối với dây điện bọc nhựa màu đỏ dài 28cm; 01 bóng đèn pha xe máy đã bị vỡ bóng đèn có ký hiệu PHILIPS HS1 12636HP; 01 giá để chân bằng kim loại màu xám có ký hiệu 17-13S4.

+ 01 khung xe màu đen có số khung RLCS5C6K0-EY164870, trên khung xe có 01 bình xăng màu đen.

+ 01 yên xe máy màu đen; 01 BKS màu trắng có số 27B1-29837; 01 ống xả pô xe máy màu trắng đen; một phần trên của hộp xích xe máy bằng kim loại màu trắng; 01 phần phanh đĩa trước của xe máy bằng kim loại màu vàng; 01 ốp sườn trái loại xe SIRIUS màu đen; 01 ốp sườn phải loại xe SIRIUS màu đen; 01 ốp gáy xe máy bằng nhựa màu đen; 01 đèn hậu xe máy màu trắng, đỏ, đen; 05 mảnh vỡ yếm xe máy màu đỏ đen loại xe SIRIUS, nhãn hiệu YAMAHA; 01 cốp xe máy bằng nhựa màu đen đã vỡ; 11 mảnh nhựa màu đen từ vỏ xe máy; 01 đoạn dây màu đen, một đầu có gắn ống kim loại màu trắng; 01 đoạn kim loại hình gấp khúc màu trắng; 01 ống nhựa màu đen; 01 thanh kim loại hình gấp khúc có gắn ốc vít.

+ 01 đầu bò xe máy bằng kim loại màu trắng xám, đã qua sử dụng; 01 bu lông mỏng bên phải máy xe máy màu trắng xám, đã qua sử dụng; 01 bu lông điện máy xe máy bằng kim loại màu trắng xám, đã qua sử dụng.

+ 01 cụm đèn pha trước có vỏ nhựa màu đen, trắng trong, không có đèn chính pha trước, 02 bóng xi nhan màu vàng, đã qua sử dụng; 01 cụm đèn sau xe mô tô hai bánh, có vỏ nhựa màu đen, trắng trong, đỏ, có hai bóng xi nhan màu vàng, đã qua sử dụng

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa CQCSĐT Công an huyện Mường Ảng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường Ảng ngày 26/8/2020).

- Truy thu của bị cáo Quảng Văn T (tên gọi khác Quảng Văn K, Quảng Văn Tu) số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước, đây là số tiền bị cáo bán cục máy của xe mô tô (vật chứng của vụ án) cho anh Lò Văn C, sinh năm 1987, cư trú tại Bản PB, xã NT, thành phố DB, tỉnh Điện Biên, anh C không yêu cầu bị cáo trả lại.

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho các bị cáo. Các bị cáo không phải chịu án phí DSST có giá ngạch.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/9/2020).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/9/2020).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại UBND cấp xã nơi cư trú.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- VKSND h.Mường Ảng;
- CQĐT Công an h.Mường Ảng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS h.Mường Ảng;
- Bị cáo; đương sự;
- Người bào chữa cho bị cáo.
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phương

